TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P2c

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức

2. Bà Nông Thị Giới

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, về việc: Tranh chấp di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST – DS ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-DS, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Điểu P, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 9, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn*: Bà Thị S, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 8, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

3. *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Điểu L, sinh năm 1961(có mặt)

Địa chỉ: Ấp TA xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Ông Điểu P, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp ĐP, xã TB, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Bà Thị P1, sinh năm 1976 (có mặt)

Bà Thị S1, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 9, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Bà Thị Ngọc L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp 2, xã AK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện hợp pháp của ông Điểu P và bà Thị Ngọc L: bà Thị P1, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 9, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Đại diện hợp pháp của ông Điểu P: bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 5, khu phố PH 2, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho ông Điểu P: ông Dương Tất P2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và lời trình bày của người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Bà Thị Tếp, sinh năm 1943, chết năm 2012 khi chết bà Tếp có để lại khối di sản gồm: quyền sử dụng đất chung với hộ gia đình tại các thửa đất số 81, 109, 115, 116, 145, 146, 147, 148 của tờ bản đồ số 63, có tổng diện tích 8.154m^2 tại địa chỉ: tổ 9, ấp Phú Hòa 1, thị trấn An Lộc, huyện Bình Long (nay là tổ 9 khu phố Phú Hòa 1, phường Phú Đức, thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước, đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Long (nay là Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 609074 ngày 20/8/2002, khối di sản này hiện nay do bà Thị S quản lý. Khi chết bà Tếp không để lại di chúc, bà Tếp có 7 người con gồm: Điểu L, sinh năm 1961, Điểu P, sinh năm 1969, Điểu P, sinh năm 1966 (là nguyên đơn), Thị S, sinh năm 1971, Thị P1, sinh năm 1976, Thị S1, sinh năm 1984, Điểu K, sinh năm 1981 (đã chết năm 2016 – Điểu K có vợ là Thị Ngọc L, sinh năm 1989 và ba con là Thị Nhung, sinh năm 2006, Thị Ngọc Yến, sinh năm 2008 và Điểu Khánh Duy, sinh năm 2011). Chồng và cha bà Tếp đã chết trước thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình bà Tếp có 5 thành viên gồm: Thị Tếp, Thị P1, Thị S1, Thị S và Điểu K.

Ông Điểu P yêu cầu:

Yêu cầu tòa án xác định 1/5 quyền sử dụng đất nêu trên là di sản của bà Tếp để lại và đề nghị tòa án chia 1/5 quyền sử dụng đất này thành 7 kỷ phần thừa kế trong đó chia cho ông một phần, ông Điểu P muốn nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất 159,8m^2 đang có căn nhà của ông P. Ông P chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của diện tích đất thực tế đang sử dụng tại

thửa đất số 81, các thửa đất số 109, 115, 116, 145, 146, 147, 148 ông không yêu cầu chia và cũng không yêu cầu chia các tài sản khác trên đất.

Yêu cầu tòa án mở một lối đi trên thửa đất để sau khi chia thừa kế ông có lối đi vào nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Điểu P 2 ủy quyền cho bà Trần Thị Kim T trình bày: ông Điểu P 2 là con của bà Thị Tếp, về di sản thừa kế và hàng thừa kế của bà Thị Tếp thì đúng như phía nguyên đơn đã trình bày. Ông Điểu P 2 yêu cầu tòa án chia cho ông một kỷ phần thừa kế của bà Thị Tếp, cũng chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của diện tích đất thực tế đang sử dụng tại thửa đất số 81, các thửa đất số 109, 115, 116, 145, 146, 147, 148 ông không yêu cầu chia và cũng không yêu cầu chia các tài sản khác trên đất.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Thị Ngọc L ủy quyền cho bà Thị P1 trình bày: bà L là vợ của ông Điểu K, ông K đã chết năm 2006, giữa bà L và ông K có ba người con chung là Thị Nhung, sinh năm 2006, Thị Ngọc Yến, sinh năm 2008 và Điểu Khánh Duy, sinh năm 2011. Ông Điểu K là con ruột của bà Thị Tếp. Về di sản thừa kế và hàng thừa kế của bà Thị Tếp thì đúng như Nguyên đơn đã trình bày. Bà Thị Ngọc L yêu cầu tòa án chia cho ông Điểu K (do bà và ba con chung nhận thay) một kỷ phần thừa kế của bà Thị Tếp, chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của diện tích đất thực tế đang sử dụng tại thửa đất số 81, các thửa đất số 109, 115, 116, 145, 146, 147, 148 bà Thị Ngọc L không yêu cầu chia và cũng không yêu cầu chia các tài sản khác trên đất.

Bị đơn Thị S trình bày: bà S là con ruột của bà Thị Tếp, bà Tếp có 7 người con gồm: bà (Thị S), Thị S1, Thị P1, Điểu K, Điểu P, Điểu P 2, Điểu L. Bà Tếp chết năm 2012, khi chết bà Tếp có để lại khối di sản như nguyên đơn đã trình bày. Bà S không đồng ý chia di sản thừa kế của bà Tếp như ông Điểu P, bà Thị Ngọc L và ông Điểu P 2 yêu cầu. Theo phong tục của người đồng bào Stiêng thì con trai đi lấy vợ sẽ theo vợ không được chia tài sản, tài sản của cha mẹ chỉ chia cho con gái.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Điểu L, Thị S1, Thị P1 trình bày: họ là con ruột của bà Thị Tếp, bà Tếp có 7 người con gồm: Thị S, Thị S1, Thị P1, Điểu K, Điểu P, Điểu P 2, Điểu L. Bà Tếp chết năm 2012, khi chết bà Tếp có để lại khối di sản như nguyên đơn đã trình bày. Ông Điểu L, bà Thị S1, bà Thị P1 đồng ý cho ông Điểu P ở lại trên thửa đất là di sản thừa kế, không đồng ý chia di sản thừa kế của bà Tếp như ông Điểu P, bà Thị Ngọc L và ông Điểu P 2 yêu cầu. Vì theo phong tục của người đồng bào Stiêng thì con trai đi lấy vợ sẽ theo vợ không được chia tài sản, tài sản của cha mẹ chỉ chia cho con gái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tranh chấp di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của ông Điểu P là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và thành phần tham gia tố tụng. Các đương sự tham gia tố tụng cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: bà Thị Tếp chết để lại di sản là 1/5 thửa đất số 81, do không có di chúc nên theo quy định về chia thừa kế theo pháp luật thì di sản của bà Tếp sẽ được chia cho 7 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tếp. Như vậy yêu cầu chia thừa kế của ông Điểu P là phù hợp pháp luật, đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Điểu P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về di sản thừa kế; bị đơn cư trú tại thị xã Bình Long nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: đây là tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật nên áp dụng Điều 649 Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật về thừa kế để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Thị Tếp sinh năm 1943, chết năm 2012, khi còn sống bà Tếp có tài sản, khi chết không để lại di chúc nên khi bà Tếp chết đã phát sinh quan hệ thừa kế theo pháp luật. Tài sản bà Tếp để lại trở thành di sản thừa kế nên ông Điểu P là con của Bà Tếp, thuộc hàng thừa kế thứ nhất yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp với Điều 649 Bộ luật dân sự và các quy định về thừa kế theo pháp luật.

Về hàng thừa kế: bà Tếp có 7 người con gồm: Điểu P, Điểu L, Điểu P 2, Điểu K, Thị S, Thị S1, Thị P1. Chồng và cha bà Tếp đã chết trước khi bà tạo lập được khối di sản, vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Tếp gồm có 7 người con này. Di sản do bà Tếp để lại sẽ được chia thành 7 kỷ phần thừa kế cho 7 người con.

Do ông Điểu K đã chết vào năm 2016, sau thời điểm mở thừa kế nên kỷ phần thừa kế của ông Điểu K do hàng thừa kế thứ nhất của Điểu K nhận. Điểu K có vợ hợp pháp là Thị Ngọc L và ba người con Thị Nhung, sinh năm 2006, Thị Ngọc Yến, sinh năm 2008 và Điểu Khánh Duy, sinh năm 2011. Vì vậy kỷ phần thừa kế của Điểu K sẽ do vợ và các con của Điểu K thừa kế; các con của Điểu K đều dưới 18 tuổi nên phần này sẽ do Thị Ngọc L đại diện nhận.

Về di sản thừa kế: khi còn sống bà Tếp có các tài sản thì quyền sử dụng đất chung với hộ gia đình tại các thửa đất số 81, 109, 115, 116, 145, 146, 147, 148 của tờ bản đồ số 63, có tổng diện tích 8.154m^2 tại địa chỉ: tổ 9, ấp P2 Hòa 1, thị trấn An Lộc, huyện Bình Long (nay là tổ 9 khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL), tỉnh Bình Phước, đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Long (nay là Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 609074 ngày 20/8/2002. Tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2002) thì hộ gia đình bà Tếp có 5 thành viên gồm: Thị Tếp, Thị P1, Thị S1, Thị S và Điểu K nên xác định 1/5 quyền sử dụng đất nêu trên là di sản của bà Tếp để lại. Ông Điểu P, ông Điểu P, Bà Thị Ngọc L chỉ yêu cầu tòa án chia thừa kế đối với thửa đất số 81 có diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6.069m^2, trong đó có 200m đất ở. Nhưng hiện trạng thực tế sử dụng là 5.679,8m^2 trong đó có 200m^2 đất ở và họ yêu cầu chia theo diện tích thực tế này. Như vậy tài sản là di sản của bà Thị Tếp mà các đương sự yêu cầu chia sẽ là 1/5 trong tổng số 5.679,8m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở). Ông Điểu P đang sinh sống tại căn nhà của ông xây dựng trên đất nên xác định 1/5 thửa đất để chia thừa kế và kỷ phần thừa kế chia cho ông P trùng với phần đất có căn nhà của ông P như ông yêu cầu là hợp lý.

Đối với phần đất mà những người sử dụng đất thửa số 81 sử dụng chồng lấn qua các thửa 150, 113; người sử dụng đất thửa 151 chồng lấn qua thửa 81, các đương sự không yêu cầu nên tòa không xét.

Về yêu cầu mở lối đi của ông Điểu P: thửa đất số 81 là tài sản chung của hộ gia đình, trong đó có 1/5 là di sản thừa kế, còn lại 4/5 thửa đất vẫn là tài sản chung của những người còn sống. Để đảm bảo việc sử dụng đất sau khi chia thừa kế thì cần có lối đi để sau khi chia những người sử dụng đất thuận L trong việc sử dụng, nên yêu cầu mở lối đi của ông Điểu P là phù hợp. Tòa án sẽ trích ra một phần đất (phần số 6 trong sơ đồ bản vẽ đất tranh chấp – bút lục số 57) có diện tích 85,6m^2 làm lối đi chung cho ông Điểu P và những người sử dụng đất khác sử dụng sau khi chia thừa kế.

Như vậy sau khi trừ đất làm lối đi thì thửa đất số 81 còn lại là 5.594,2m^2, di sản thừa kế sẽ là 5.594,2m2. Xác định phần đất là di sản thừa kế trùng với phần đất có căn nhà của ôngP, tức là các phần 4-1, 4-2, 4-3, 4-4, 4-5, 4-6, 4-7 trong sơ đồ bản vẽ đất tranh chấp, có tổng diện tích 1.118,6m2 (bút lục số 57), trong đó có 40m^2 đất ở.

Diện tích đất 1.118,6m2 là di sản thừa kế không thể chia bằng hiện vật (đất) cho tất cả 7 người thừa kế vì nếu chia bằng đất sẽ không có lối đi vào các phần đất sau khi chia; mặt khác khi chia bằng hiện vật thì diện tích đất sau khi chia sẽ

quá nhỏ (159,8m2), không phù hợp với mục đích sử dụng đất và không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy chia cho ông Điểu P bằng hiện vật với diện tích 159,8m2 (trong đó có 40m2 đất ở) trùng với phần đất có căn nhà của ông P (phần 4-1).

Chia cho ông Điểu P 2 gía trị sử dụng của phần đất 4-2 diện tích 159,8 m^2, trị giá 159,8m2 x 250.000đ/m2 = 39.950.000đ; chia cho Điểu K gía trị sử dụng của phần đất 4-3 có diện tích 159,8 m^2, trị giá 159,8m2 x 250.000đ/m2 = 39.950.000đ. Giao hai phần đất này cho bà Thị S sử dụng, bà S có nghĩa vụ trả giá trị sử dụng đất bằng tiền cho ông Điểu P 2 và ông Điểu K (phần của Điểu K do Thị Ngọc L và 3 người con nhận) mỗi người 39.950.000đ.

Các phần đất còn lại của thửa đất số 81 tạm giao cho người đang quản lý đất là bà Thị S sử dụng để khi nào những người liên quan có yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế, thì tòa án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Điểu P được nhận 40m2 đất ở nên phải trả lại bằng tiền trị giá (40/7)m2 đất ở cho 6 người thừa kế còn lại sau khi đã trừ đi giá trị (40/7)m2 đất nông nghiệp. Cụ thể là: [(40/7)m2 x 2.000.000đ] – [(40/7)m2 x 250.000đ] = 10.000.000đ. trong số này trả cho ông Điểu P 2 và bà Thị Ngọc L mỗi người 10.000.000đ, còn lại giao cho bà Thị S tạm quản lý 40.000.000đ của 4 người thừa kế còn lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Điểu L, bà Thị P1, bà Thị S1 không yêu cầu chia thừa kế nên kỷ phần của họ sẽ tạm giao cho bà Thị S quản lý, khi nào họ có yêu cầu chia thì tòa án sẽ xem xét giải quyết sau.

Về án phí: ông Điểu P, ông Điểu P 2 và bà Thị Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm trên giá trị tài sản được chia. Cụ thể là: (39.950.000đ + 10.000.000đ) x 5% = 2.497.500đ. ông Điểu P là hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn, còn ông Điểu P 2, bà Thị Ngọc L phải chịu.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 651 Bộ luật dân sự; các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điểu P và yêu cầu độc lập của ông Điểu P 2, bà Thị Ngọc L.

Tách phần đất có diện tích 85,6m2 được giới hạn bởi các điểm 1 – 2 – 3 – 4 – 27 – 26 – 24 (phần đất số 6) ra khỏi thửa đất số 81, tờ bản đồ số 63 để làm lối đi chung cho các hộ ông Điểu P, bà Thị P1 và những người sử dụng thửa đất số 81.

Chia cho ông Điểu P 159,8m2 đất (trong đó có 40m2 đất ở) thuộc phần đất số 4-1, được giới han bởi các điểm 24 – 25 – 32 – 33 – 46 - 47. Có số đo các cạnh như sau: cạnh phía Đông giáp với phần đất giao cho bà Thị S có số đo 5,33m (từ điểm 33 đến điểm 46); cạnh phía Tây giáp với phần đất làm lối đi chung có số đo 5,54m (từ điểm 24 đến điểm 25); cạnh phía Nam giáp với phần đất tạm giao cho bà Thị S có số đo (16,24m + 13,83m) (từ điểm 24 đến điểm 46); cạnh phía Bắc giáp với phần đất tạm giao cho bà Thị S có số đo (19,66 + 9,37) (từ điểm 25 đến điểm 33). Diện tích đất này thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 63 tại địa chỉ: tổ 9, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Trên đất có một căn nhà của ông Điểu P có diện tích 54,9m2, loại nhà cấp 4, kết cấu mái tôn, nền gạch, tường gạch.

Giao cho bà Thị S hai phần đất, gồm: phần đất số 4-2 có diện tích 159,8m2, được giới hạn bởi các điểm 33 – 34 – 35 – 44 – 45 – 46, có số đo các cạnh như sau: cạnh phía Đông giáp với phần đất số 4-3 có số đo 7,11m (từ điểm 35 đến điểm 44), cạnh phía Tây giáp với phần đất số 4-1 có số đo 5,33m (từ điểm 33 đến điểm 46), cạnh phía Nam giáp với phần đất số 5 có số đo (20,4 + 7,58)m từ điểm 44 đến điểm 46), cạnh phía bắc giáp với phần đất số 3 có số đo (15,43 + 10,39)m (từ điểm 33 đến điểm 35); phần đất số 4-3 có diện tích 159,8m2, được giới hạn bởi các điểm 35 – 36 – 43 - 44, có số đo các cạnh như sau: cạnh phía Đông giáp với phần đất số 4-4 có số đo 7,66m (từ điểm 36 đến điểm 43), cạnh phía Tây giáp với thủa đất số 4-2 có số đo 7,11m (từ điểm 35 đến điểm 44), cạnh phía Nam giáp với phần đất số 5 có số đo 21,66m (từ điểm 43 đến điểm 44), cạnh phía Bắc giáp với phần đất số 3 có số đo 21,66m (từ điểm 35 đến điểm 36). Hai phần đất này thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 63 tại địa chỉ: tổ 9, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Tạm giao cho bà Thị S quản lý sử dụng các phần đất còn lại gồm: phần đất số 1 diện tích 1.118,9m2; phần đất số 2 diện tích 1.118,9m2; phần đất số 3 diện tích 1.118,9m2; phần đất số 5 diện tích 1.118,9m2; phần đất số 4- 4 diện tích 159,8m2; phần đất số 4- 5 diện tích 159,8m2; phần đất số 4- 6 diện tích 159,8m2; phần đất số 4- 7 diện tích 159,8m2 của thửa đất số 81, tờ bản đồ số 63 tại địa chỉ: tổ 9, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

(có sơ đồ, bản vẽ đất tranh chấp kèm theo)

Ông Điểu P phải trả cho ông Điểu P 2 trị giá chênh lệch của 40/7m2 đất ở so với 40/7m2 đất nông nghiệp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ông Điểu P phải trả cho bà Thị Ngọc L, cháu Thị Nhung, cháu Thị Ngọc Yến, cháu Điểu Khánh Duy (do bà Thị Ngọc L đại diện nhận) trị giá chênh lệch của 40/7m2 đất ở so với 40/7m2 đất nông nghiệp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Bà Thị S phải trả cho ông Điểu P 2 giá trị 159,8m2 đất nông nghiệp là 39.950.000 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Thị S phải trả cho bà Thị Ngọc L, cháu Thị Nhung, cháu Thị Ngọc Yến, cháu Điểu Khánh Duy (do bà Thị Ngọc L đại diện nhận) giá trị 159,8m2 đất nông nghiệp là 39.950.000 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Điểu L, bà Thị S, bà Thị S1, bà Thị P1 có quyền yêu cầu tòa án chia thừa kế đối với di sản thừa kế của bà Thị Tếp theo quy định của pháp luật.

Bà Thị P1, bà Thị S1, bà Thị S và ông Điểu K (người thừa kế là Thị Ngọc L, cháu Thị Nhung, cháu Thị Ngọc Yến, cháu Điểu Khánh Duy) có quyền yêu cầu tòa án chia tài sản chung đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81 tờ bản đồ số 63 tại địa chỉ: tổ 9, khu phố PH 1, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Thị Ngọc L phải chịu 2.497.500 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ đi 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Biên lai thu số 0004636, Quyển số 000093 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ông Điểu P 2 phải chịu 2.497.500 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ đi 1.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Biên lai thu số 0004640, Quyển số 000093 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ông Điểu P được miễn án phí sơ thẩm. Trả lại cho ông Điểu P 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004489, Quyển số 000090

ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phạm Bình

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước
-VKSND TX Bình Long.
-Chi cục THADS TX Bình Long.
-Các đương sự.
-Lưu hồ sơ.